

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24-9-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Mão

Ông Vũ Văn Khang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị A; nơi ĐKKHKT: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Đường N, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ; nơi ĐKKHKT: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Đường N, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2001, chị Phạm Thị A và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 21/9/2001.

Quá trình chung sống vợ chồng bình thường và có 02 con chung, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra bất hòa, cãi nhau. Mặc dù vợ chồng chung sống một nhà nhưng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh Đ đã viết đơn thuận tình ly hôn và nộp Tòa án giải quyết nhưng sau đó, anh Đ thay đổi quan điểm không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị A tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Đức N, sinh ngày 21/12/2002 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 15/6/2010. Hiện nay con Nguyễn Đức N đã trưởng thành (trên 18 tuổi), không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị A có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Nhật M. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị A và anh Nguyễn Văn Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và quá trình kết hôn như chị A trình bày. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 21/9/2001.

Quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày. Nguyên nhân là do chị A nghi ngờ anh về tình cảm, dẫn đến vợ chồng xảy ra bất hòa, cãi nhau. Trong lúc cãi nhau do chị A thách thức anh nên anh đã viết đơn thuận tình ly hôn và nộp đơn đến Tòa án. Mặc dù cuộc sống vợ chồng, có lúc anh Đ có những tình cảm bên ngoài nhưng đối với anh, vợ con là quan trọng nhất và anh vẫn có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị A chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong đời sống hàng ngày, không đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn với chị A và đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung như chị A trình bày. Hiện nay con Nguyễn Đức N đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp phải ly hôn, anh Đ đồng ý giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt lần thứ hai, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ .

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về việc vắng mặt tại phiên tòa hai lần, không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Phạm Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Con chung Nguyễn Đức N đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con Nguyễn Nhật M cho chị A trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết . Về tài sản chung, chị A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn Đ cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn:

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt lần thứ hai, không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Điều kiện và quá trình kết hôn như chị A và anh Đ đã trình bày, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị A và anh Đ chung sống bình thường và có 02 con chung đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, khác biệt trong quan điểm về đời sống tình cảm dẫn đến vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Mặc dù vợ chồng chung sống một nhà nhưng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh Đ, chị A đã viết đơn thuận tình ly hôn và nộp Tòa án giải quyết nhưng sau đó, anh Đ thay đổi quan điểm không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh Đ đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[4] Chị Phạm Thị A và anh Nguyễn Văn Đ có hai con chung là Nguyễn Đức N, sinh ngày 21/12/2002 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 15/6/2010. Hiện nay con Nguyễn Đức N đã trưởng thành (trên 18 tuổi), không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của con; cháu Nguyễn Nhật M có nguyện vọng được ở với mẹ, chị A có nguyện vọng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung Nguyễn Nhật M cho chị Phạm Thị A nuôi là phù hợp với quy định của các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, tình hình thực tế cũng như nguyện vọng của các bên. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về việc chia tài sản chung:

[5] Chị Phạm Thị A và anh Nguyễn Văn Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Phạm Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về việc nuôi con:

Chị Phạm Thị A và anh Nguyễn Văn Đ có hai con chung là Nguyễn Đức N, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2002 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2010. Hiện nay con Nguyễn Đức N đã trưởng thành (trên 18 tuổi), không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con Nguyễn Nhật M cho chị Phạm Thị A trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Chị Phạm Thị A và anh Nguyễn Văn Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Phạm Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007051 ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành

án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Phạm Thị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Ủy ban nhân dân phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 21/9/2001);
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu